

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  
**MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 6**

| TT              | Nội dung kiến thức                | Đơn vị kiến thức                      | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |          |                  |              |                  | Tổng  |    | % tổng điểm |                  |
|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------------|------------------|-------|----|-------------|------------------|
|                 |                                   |                                       | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng |                  | Vận dụng cao |                  | Số CH |    |             | Thời gian (phút) |
|                 |                                   |                                       | Số CH            | Thời gian (phút) | Số CH      | Thời gian (phút) | Số CH    | Thời gian (phút) | Số CH        | Thời gian (phút) | TN    | TL |             |                  |
| 1               | 1. Nhà ở                          | 1.1.Nhà ở đối với con người           | 1                | 1,5              | 1          | 3                |          |                  |              |                  | 2     |    | 4,5         | 10               |
|                 |                                   | 1.2. Xây dựng nhà ở                   | 1                | 1,5              | 1          | 3                |          |                  |              |                  | 2     |    | 4,5         | 10               |
|                 |                                   | 1.3. Ngôi nhà thông minh              | 1                | 1,5              |            |                  |          |                  |              |                  | 1     |    | 1,5         | 5                |
|                 |                                   | 1.4 Sử dụng năng lượng trong gia đình | 1                | 1,5              |            |                  |          |                  |              |                  | 1     |    | 1,5         | 5                |
| 2               | 2. Bảo quản và chế biến thực phẩm | 2.1. thực phẩm và dinh dưỡng          | 1                | 1,5              | 2          | 6                |          |                  |              |                  | 3     |    | 7,5         | 15               |
|                 |                                   | 2.2. Bảo quản thực phẩm               | 2                | 3                | 1          | 3                | 1        | 10               |              |                  | 3     | 1  | 16          | 35               |
|                 |                                   | 2.3. Chế biến thực phẩm               | 1                | 1,5              | 1          | 3                |          |                  | 1            | 5                | 2     | 1  | 9,5         | 20               |
| Tổng            |                                   |                                       | 8                | 12               | 6          | 18               | 1        | 10               | 1            | 5                | 14    | 2  | 45          | 100              |
| Tỉ lệ (%)       |                                   |                                       | 40               |                  | 30         |                  | 20       |                  | 10           |                  |       |    |             |                  |
| Tỉ lệ chung (%) |                                   |                                       | 70               |                  |            |                  | 30       |                  |              |                  |       |    |             |                  |

**Ghi chú:**

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).
- Số lượng câu hỏi phân bố trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.
- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.
- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bố ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.
- Tỉ lệ điểm phân bố cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.
- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.
- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3.

## KHUNG ĐẶC TẢ MÔN CÔNG NGHỆ

| TT | Nội dung | Đơn vị kiến thức            | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                | Số câu hỏi theo mức độ đánh giá |            |          |              |
|----|----------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------|----------|--------------|
|    |          |                             |                                                                                                                                                 | Nhận biết                       | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1  | 1. Nhà ở | 1.1 Nhà ở đối với con người | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được vai trò của nhà ở<br>Nêu được đặc điểm chung của Việt Nam.<br>Kể được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam | 1                               | .....      | .....    | .....        |
|    |          |                             | <b>Thông hiểu:</b><br>- Phân biệt được 1 số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.                                                          |                                 | 1          |          |              |
|    |          |                             | <b>Vận dụng</b><br>Xác định được kiểu kiến trúc kiểu ngôi nhà em đang ở                                                                         |                                 |            |          |              |
|    |          | 1.2 Xây dựng nhà ở          | <b>Nhận biết:</b><br>- Kể tên được một số vật liệu xây dựng nhà ở.<br>- Kể tên được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.                    | 1                               |            |          |              |
|    |          |                             | <b>Thông hiểu:</b><br>- Sắp xếp đúng trình tự các bước chính để xây dựng                                                                        |                                 | 1          |          |              |

|  |  |                                       |                                                                                                                                               |   |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|--|
|  |  |                                       | <p>một ngôi nhà.</p> <p>- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.</p>                                                             |   |  |  |  |
|  |  | 1.3 Ngôi nhà thông minh               | <p><b>Nhận biết:</b> Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh</p>                                                                            | 1 |  |  |  |
|  |  |                                       | <p><b>Thông hiểu</b><br/>Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.</p> <p>Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.</p> |   |  |  |  |
|  |  | 1.4 Sử dụng năng lượng trong gia đình | <p><b>Nhận biết:</b><br/>Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.</p>                           | 1 |  |  |  |
|  |  |                                       | <p><b>Thông hiểu</b><br/>Giải thích được vì sao cần sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả</p>                                 |   |  |  |  |
|  |  |                                       | <p><b>Vận dụng:</b><br/><br/>Đề xuất được những việc làm cụ thể để xây dựng thói quen sử dụng năng lượng</p>                                  |   |  |  |  |

|   |                                         |                             |                                                                                                                                                                                   |        |        |  |  |
|---|-----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--|--|
|   |                                         |                             | <p>trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.</p>              |        |        |  |  |
| 2 | <b>2.Bảo quản và chế biến thực phẩm</b> | 2.1 Thực phẩm và dinh dưỡng | <p><b>Nhận biết</b></p> <p>- Nêu được một số nhóm thực phẩm chính.</p> <p>-Nêu được giá trị dinh dưỡng của từng nhóm thực phẩm chính</p>                                          | 1      |        |  |  |
|   |                                         |                             | <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>-Phân loại được thực phẩm theo các nhóm thực phẩm chính</p> <p>-Giải thích được ý nghĩa của từng nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người.</p> |        | 1<br>1 |  |  |
|   |                                         | 2.2 Bảo quản thực phẩm      | <p><b>Nhận biết</b></p> <p>Trình bày được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm.</p> <p>Nêu được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến</p>                             | 1<br>1 |        |  |  |

|  |  |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |   |   |  |
|--|--|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--|
|  |  |                        | <b>Thông hiểu</b><br>-Mô tả được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến<br>-Trình bày được ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến                                                                                                                                                                                                                       |   | 1 |   |  |
|  |  |                        | <b>Vận dụng</b><br>Vận dụng được kiến thức về bảo quản thực phẩm vào thực tiễn gia đình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |   | 1 |  |
|  |  | 2.3 Chế biến thực phẩm | <b>Nhận biết</b><br>-Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm.<br>-Nêu được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.<br>-Nêu được các bước chính chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt<br>-Nêu được một số biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong chế biến.<br>-Trình bày được cách tính toán sơ bộ dinh dưỡng cho một bữa ăn gia đình. | 1 |   |   |  |

|             |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |          |          |          |
|-------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
|             |  |  | -Trình bày được cách tính toán sơ bộ chi phí cho một bữa ăn gia đình.                                                                                                                                                                                                                                                          |          |          |          |          |
|             |  |  | <b>Thông hiểu</b><br>-Trình bày được một số ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến<br>-Trình bày được yêu cầu kĩ thuật đối với món ăn không sử dụng nhiệt.                                                                                                                                     |          | 1        |          |          |
|             |  |  | <b>Vận dụng</b><br>-Lựa chọn được thực phẩm phù hợp để chế biến món ăn đơn giản không sử dụng nhiệt.<br>-Chế biến được món ăn đơn giản không sử dụng nhiệt đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.<br>-Tính toán được sơ bộ dinh dưỡng cho một bữa ăn gia đình.<br>-Tính toán được sơ bộ chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. |          |          |          | 1        |
| <b>Tổng</b> |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>8</b> | <b>6</b> | <b>1</b> | <b>1</b> |

**Lưu ý:**

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.
- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

**A/ TRẮC NGHIỆM (7 điểm):** Chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

**Câu 1: Nhà ở bao gồm các phần chính sau:**

- A. Móng nhà, thân nhà, mái nhà.
- B. Sàn nhà, khung nhà, móng nhà.
- C. Thân nhà, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
- D. Móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà.

**Câu 2: Kiến trúc nào sau đây không phải là kiến trúc nhà đặc trưng của Việt Nam?**

- A. Nhà trên xe
- B. Nhà nổi
- C. Nhà liên kề
- D. Nhà ba gian

**Câu 3: Vật liệu chính để xây dựng nhà ở hiện nay?**

- A. Đá, sắt
- B. Xi măng, cát
- C. Gạch, vôi
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 4: Trình tự đúng để xây dựng nhà ở là:**

- A. Thi công xây dựng nhà, hoàn thiện ngôi nhà, chuẩn bị xây dựng nhà
- B. Chuẩn bị xây dựng nhà, thi công xây dựng nhà, hoàn thiện ngôi nhà
- C. Hoàn thiện ngôi nhà, chuẩn bị xây dựng nhà, thi công xây dựng nhà
- D. chuẩn bị xây dựng nhà, hoàn thiện ngôi nhà, thi công xây dựng nhà

**Câu 5: Ngôi nhà thông minh không có chức năng nào sau đây:**

- A. Kiểm soát môi trường, nhiệt độ, độ ẩm
- B. Điều khiển bằng giọng nói
- C. Chăm sóc sức khỏe cho người sử dụng
- D. Điều khiển hệ thống sân vườn thông minh

**Câu 6: Hành động nào sau giúp tiết điện năng?**

- A. Tắt hẳn nguồn điện khi không sử dụng



- B. Bật điện trong phòng ngủ khi không sử dụng
- C. Không tắt các thiết bị điện khi ra khỏi lớp
- D. Vừa đọc báo vừa xem TV

**Câu 7: Thịt, cá, trứng, sữa thuộc nhóm thực phẩm chính nào?**

- A. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm.
- B. Nhóm thực phẩm giàu chất đường bột.
- C. Nhóm thực phẩm giàu chất béo.
- D. Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng và vitamin.

**Câu 8: Việc phân nhóm thức ăn không bao gồm nhóm nào?**

- A. Nhóm giàu chất béo.
- B. Nhóm giàu chất xơ.
- C. Nhóm giàu chất đường bột.
- D. Nhóm giàu chất đạm.

**Câu 9: Ý nào dưới đây không phải là ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm:**

- A. Làm thực phẩm trở nên dễ tiêu hóa.
- B. Làm tăng tính đa dạng của thực phẩm.
- C. Tạo ra nhiều sản phẩm có thời hạn sử dụng lâu dài.
- D. Tạo sự thuận tiện cho việc chế biến thực phẩm thành nhiều món khác nhau.

**Câu 10: Phương pháp chế biến thực phẩm nào sau đây có sử dụng nhiệt:**

- A. Trộn hỗn hợp.
- B. Luộc.
- C. Trộn dầu giấm.
- D. Muối chua.

**Câu 11: Thực phẩm hư hỏng do những nguyên nhân nào?**

- A. Để thực phẩm lâu ngày.
- B. Không bảo quản kỹ thực phẩm.
- C. Thực phẩm hết hạn sử dụng.
- D. Tất cả các nguyên nhân trên.

**Câu 12: Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?**

- A. Ngâm muối và ngâm đường.
- B. Luộc và trộn hỗn hợp.

- C. Làm chín thực phẩm.
- D. Nướng và muối chua.

**Câu 13: Trường hợp nào sau đây gây hại cho cơ thể?**

- A. Thiếu chất dinh dưỡng.
- B. Thừa chất dinh dưỡng.
- C. Thừa hoặc thiếu chất dinh dưỡng.
- D. Đủ chất dinh dưỡng.

**Câu 14: Ý nào sau đây không phải là vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm?**

- A. Đảm bảo chất dinh dưỡng của thực phẩm.
- B. Kéo dài thời gian sử dụng của thực phẩm.
- C. Đảm bảo chất lượng của thực phẩm.
- D. Tạo ra các món ăn đa dạng hơn.

**B/ TỰ LUẬN (3 điểm):**

**Câu 1:** Ở gia đình em bảo quản thịt cá, rau xanh và các loại hạt như thế nào? ( 2 điểm)

**Câu 2:** Trên cơ sở tính toán chi phí cho mỗi món ăn, em hãy tính toán chi phí cho bữa ăn trưa của gia đình gồm 4 người gồm bố mẹ và 2 con đang học cấp THCS ? (1 điểm)

-----HẾT-----

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

### A. TRẮC NGHIỆM ( 7 điểm) : Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|
| Đáp án | A | A | D | B | C | A | A | B | D | B  | D  | A  | C  | D  |

### B. TỰ LUẬN (3 điểm) :

-

| Câu | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm                           |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | <p>Ở gia đình em bảo quản các thực phẩm trên như sau :</p> <p><b>Đối với thịt cá :</b> ướp đá, ướp muối, phơi khô, hút chân không,..</p> <p><b>Đối với rau xanh :</b> rửa sạch, không để dập nát, bảo quản trong ngăn mát.</p> <p><b>Đối với các loại hạt :</b> phơi khô, đựng trong chum, vại sành.</p>           | <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> |
| 2   | <p>HS nêu được các món ăn chính theo đúng cơ cấu bữa ăn gồm : Cơm, canh, mặn, xào</p> <p>HS tính toán được tổng chi phí cho bữa ăn đầy đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng nằm trong mức chi phí 50.000 đến 100.000đ</p> <p><i>(Ngoài ra nếu chi phí dưới 50.000đ thì không đảm bảo còn trên 100.000đ thì lãng phí.)</i></p> | <p>0,5</p> <p>0,5đ</p>         |

### DANH SÁCH NHÓM I ( BÙ ĐĂNG NHÓM CÔNG NGHỆ LỚP 1)

1. Lê Bá Minh
2. Diệu Thị Nguyệt
3. Nguyễn Thị Luyến
4. Diệu Thị Nga
5. Phan Văn Tú

- THCS Nghĩa Bình
- THCS Bình Minh
- THCS Chu Văn An
- THCS Đoàn Đức Thái
- THCS Đức Liễu

7. Đoàn Văn Hoàng
8. Nguyễn Thị Út Thương
9. Nguyễn Thị Tin

- THCS Nghĩa Trung
- THCS Nguyễn Khuyến
- THCS Nguyễn Trường Tộ

## **6. Nguyễn Thị Tuyết Nhung   THCS Minh Hưng**